

Số: 1955/ĐHAG-CTSV
V/v hướng dẫn cung cấp minh chứng
và đánh giá kết quả rèn luyện
HKI năm học 2024-2025

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Trưởng các đơn vị

Căn cứ Quyết định số 1509/QĐ-ĐHAG ngày 29/9/2020 về việc ban hành “Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của người học theo hình thức giáo dục chính quy” và Quyết định số 2132/QĐ-ĐHAG ngày 13/9/2024 về việc điều chỉnh “Khung đánh giá kết quả điểm rèn luyện cho sinh viên hình thức đào tạo chính quy tại Trường Đại học An Giang” của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang, Nhà trường hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc cung cấp minh chứng và đánh giá kết quả rèn luyện HKI năm học 2024-2025 cho sinh viên chính quy, cụ thể như sau:

I. Thời gian và thông tin cung cấp minh chứng:

1. Thời gian tính điểm minh chứng: Từ ngày **01/07/2024 đến 19/01/2025** (xem bảng tiêu chí đánh giá và đơn vị phụ trách cung cấp minh chứng tại phụ lục 1 kèm theo).

2. Phân loại minh chứng:

- **Minh chứng loại 1:** Là các sự kiện/hoạt động đã được đăng ký trên hệ thống sự kiện của Phòng CTSV. Các sự kiện/ hoạt động này sẽ **KHÔNG cần nộp lại** minh chứng vì hệ thống đã tự động cập nhật (đã được triển khai từ ngày 19/09/2024).

- **Minh chứng loại 2:** Là các minh chứng cần đánh giá toàn bộ quá trình hoạt động của sinh viên hoặc các minh chứng mà đơn vị cần nộp bổ sung để cộng/trừ điểm rèn luyện cho sinh viên mà không thuộc minh chứng loại 1.

+ **Thời hạn nộp minh chứng loại 2:** Trước ngày **24/01/2025**.

+ **Hình thức nộp minh chứng loại 2:** Thực hiện theo quy trình ở mục II của hướng dẫn này. Riêng minh chứng kết quả học tập P.KT&ĐBCL gửi trực tiếp cho đồng chí Lê Trương Hồng Danh qua email lthdanh@agu.edu.vn khi có kết quả của mỗi khoá.

II. Quy trình cung cấp minh chứng, rà soát và khiếu nại kết quả điểm rèn luyện

- **Bước 1:** Tải mẫu danh sách minh chứng tại link <https://vnu.app/mau-minh-chung>, và chuẩn bị danh sách theo mẫu (file excel và file scan danh sách có ký xác nhận) .

- **Bước 2:** Truy cập vào link <https://vnu.app/gui-minh-chung> và tiến hành upload

minh chứng theo yêu cầu (file scan danh sách có ký xác nhận vui lòng upload vào mục *Kế hoạch/Quyết định/Minh chứng (*)* và **không cần nộp bản giấy về P.CTSV**).

- **Bước 3:** P.CTSV sẽ tiến hành kiểm tra và duyệt minh chứng đã nộp trong vòng 07 ngày.

- **Bước 4:** Đến thời gian rà soát kết quả, sinh viên truy cập vào app điểm rèn luyện rà soát và khiếu nại kết quả điểm rèn luyện học kỳ I năm học 2024-2025 lần cuối. Thời gian kiểm tra, rà soát và khiếu nại được tính từ ngày **10/02 đến ngày 18/02/2025** (riêng tiêu chí điểm học tập sẽ được thông báo rà soát sau).

+ Link kiểm tra điểm rèn luyện dành cho sinh viên: <https://vnu.app/sv-xem-drl>

+ Link gửi khiếu nại điểm rèn luyện cho sinh viên: <https://vnu.app/khieu-nai-drl>

- **Bước 5:** Sau khi kết thúc thời gian khiếu nại, P.CTSV sẽ trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả điểm rèn luyện của học kỳ I năm học 2024-2025.

Ban Giám hiệu yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện theo đúng tinh thần Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Hữu Trí

An Giang, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**PHÂN CÔNG CUNG CẤP MINH CHỨNG
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Quyết định số 2132/QĐ-ĐHAG ngày 13/9/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng
I.	Đánh giá ý thức, thái độ học tập và nghiên cứu khoa học	30.00	
I.1	Kết quả học tập (Chỉ lấy kết quả lần 1, không tính điểm cải thiện) <ul style="list-style-type: none">Có ĐTBCHT từ 5 -> cận 7 (4đ)Có ĐTBCHT từ 7 -> cận 8 (6đ)Có ĐTBCHT từ 8 -> cận 9 (8đ)Có ĐTBCHT từ 9 -> 10 (10đ)	10.00	Phòng Khảo thí và ĐBCL
I.2.	Hoạt động ngoại khóa	10.00	
I.2.1.	Tham gia hoạt động của Bộ phận, các Câu lạc bộ của Trường/Khoa (2 điểm/hoạt động)	4.00	Phòng CTSV, Các Khoa, Hội SV
I.2.2.	Tham gia các chương trình tọa đàm, báo cáo chuyên đề, hội thảo khoa học, hội nghị học tốt (cộng 02 học kỳ), rèn luyện nghiệp vụ chuyên ngành,... (02 điểm/chương trình)	6.00	Các Phòng ban, Trung tâm, Các Khoa, Đoàn TN, Hội SV
I.3.	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi	4.00	
I.3.1.	Tham gia các kỳ thi, cuộc thi từ cấp Khoa trở lên (02 điểm/cuộc thi)	4.00	Các Phòng ban, Trung tâm, Các Khoa, Đoàn TN, Hội SV
I.3.2.	Là thành viên đội tuyển cấp Trường trở lên	4.00	Các đơn vị có cử sinh viên tham gia các cuộc thi thời gian tính theo học kỳ.
I.4.	Nghiên cứu khoa học	6.00	
I.4.1.	Tham gia hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học từ cấp Khoa trở lên (có xác nhận của Giảng viên, cộng tối đa 2 học kỳ)	3.00	Sinh viên hoặc các đơn vị phụ trách
I.4.2.	Có đề tài nghiên cứu khoa học các cấp	6.00	Phòng QLKH&SDH, các Khoa
I.4.3.	Có bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc Hội đồng CDGSNN hoặc cao hơn	5.00	Sinh viên hoặc các đơn vị phụ trách
I.4.4.	Có bài đăng trong Hội thảo Khoa học Cấp Trường	4.00	Sinh viên hoặc các đơn vị phụ trách
I.4.5.	Có bài đăng trong Hội thảo Khoa học Cấp Khoa	3.00	Sinh viên hoặc các đơn vị phụ trách

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng
II.	Đánh giá ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường	20.00	
II.1.	Thực hiện tốt việc lấy ý kiến phản hồi từ người học trực tuyến.	2.00	Phòng Khảo thí &ĐBCL lập danh sách không thực hiện.
II.2.	Chấp hành tốt nội quy, quy chế của Trường (Quy chế Công tác sinh viên, Quy chế Đào tạo, quy chế thi/kiểm tra,...) (trừ 2 điểm/lần vi phạm)	8.00	Phòng CTSV, Khảo thí &ĐBCL, Phòng Đào tạo, Phòng KHTV,... lập danh sách quy phạm
II.3.	Chấp hành tốt quy chế nội trú/ngoại trú, thực hiện kê khai thông tin nội trú/ngoại trú đúng quy định (cộng 2 học kỳ)	5.00	Đ/c Nhung - Phòng CTSV
II.4.	Tham gia Bảo hiểm y tế theo quy định	3.00	Bộ phận Y tế lập danh sách không tham gia.
II.5.	Tham gia bảo vệ tài sản, giữ gìn vệ sinh trong khuôn viên trường, để xe đúng nơi quy định (trừ 2 điểm/lần vi phạm)	2.00	Các khoa hoặc các lớp lập danh sách không tham gia.
III.	Đánh giá ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể dục-thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội	25.00	
III.1.	Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên	10.00	
III.1.1.	Tham gia đầy đủ các buổi Sinh hoạt công dân – sinh viên đầu năm (vắng 1 buổi trừ 1 điểm)	5.00	Phòng CTSV
III.1.2.	Có kết quả bài thu hoạch Tuần Sinh hoạt công dân – sinh viên ở mức Đạt	5.00	Phòng CTSV
III.2.	Tham gia các hoạt động chính trị - xã; hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao do lớp, Khoa, Trường tổ chức; tham gia viết bài cho Trang thông tin điện tử của Trường, e-News	10.00	Các đơn vị tổ chức
III.3.	Tham gia phòng chống các tệ nạn xã hội: ma túy, mại dâm; cam kết không sử dụng, tàng trữ, vận chuyển, mua bán ma túy và các chất kích thích khác.	2.00	Đ/c Thiện – P.CTSV
III.4.	Được công nhận danh hiệu Thanh niên khỏe hoặc Sinh viên khỏe từ cấp Khoa trở lên (có giấy chứng nhận)	3.00	Đoàn TN, Hội SV
IV.	Đánh giá ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng	25.00	
IV.1.	Chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.	2.00	Phòng CTSV lập danh sách quy phạm
IV.2.	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện (đóng góp đầy đủ các loại quỹ: quỹ Xây	3.00	Đoàn TN, Hội SV lập danh sách không tham gia.

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng
	dựng nhà tình nghĩa, quỹ Khuyến học, quỹ Vì người nghèo, quỹ Công trình thanh niên, Đoàn phí, Hội phí,...).		
IV.3.	Tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng	20.00	
IV.3.1.	Chiến dịch mùa hè xanh (cộng 02 học kỳ).	10.00	Đoàn TN, Hội SV
IV.3.2.	Hiển máu nhân đạo (5 điểm/lần)	5.00	Đoàn TN, Hội SV lập danh sách hiển máu trong trường; Lớp lập danh sách hiển máu ngoài trường (kèm bản photo giấy chứng nhận hiển máu).
IV.3.3.	Tiếp sức mùa thi (của Trường hoặc của địa phương có giấy xác nhận)	5.00	Đoàn TN, Hội SV
IV.3.4.	Công trình thanh niên (cấp Trường 5 điểm/công trình; cấp Khoa 4 điểm/công trình; cấp Chi Đoàn/Chi Hội 3 điểm/công trình)	10.00	Đoàn TN, Hội SV lập danh sách CTTN cấp Trường. Cấp Khoa, Chi đoàn đã triển khai cho các đơn vị tổ chức trên hệ thống phần mềm.
IV.3.5.	Tham gia sinh hoạt hè (có giấy xác nhận, cộng 02 học kỳ)	3.00	Đoàn TN, Hội SV, Khoa, Lớp
IV.3.6.	Trực Thư viện, trực Phòng Công tác Sinh viên, trực Văn phòng Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên (đánh giá tùy theo mức độ tham gia)	10.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV, Thư viện
IV.3.7.	Các hoạt động về công tác xã hội như: Xuân tình nguyện, cứu trợ thiên tai, chăm sóc gia đình chính sách/trẻ em mồ côi, hoạt động công ích,... (tối đa 4 điểm/hoạt động)	8.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV, Các Khoa
IV.3.8.	Tình nguyện viên hỗ trợ tổ chức các hoạt động của Trường (tối đa 3 điểm/hoạt động)	9.00	Phòng CTSV
V.	Các nội dung cộng thêm (điểm thưởng) Mục này chỉ được cộng vào tổng điểm khi sinh viên đạt điểm ở Tiêu chí IV từ 15 điểm trở lên.	10.00	
V.1.	Sinh viên được khen thưởng các cấp	10.00	
V.1.1.	Khoa, Đoàn - Hội Khoa, UBND cấp xã/phường/thị trấn	3.00	Khoa, Đoàn - Hội Khoa
V.1.2.	Trường, Đoàn - Hội Trường, UBND cấp huyện/thị xã/thành phố (riêng Khen thưởng năm học của Trường cộng 2 học kỳ)	6.00	Phòng CTSV, Trường, Đoàn - Hội Trường
V.1.3.	Tỉnh/thành	8.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV
V.1.4.	ĐHQG-HCM, Trung ương	10.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV
V.2.	Sinh viên có nghị lực phấn đấu vươn lên	10.00	

Tiêu chí	Nội dung	Hạn mức	Đơn vị cung cấp minh chứng
	trong học tập		
V.2.1.	Sinh viên có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn	4.00	Đ/c Dương - Phòng CTSV
V.2.2.	Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ (cộng 2 học kỳ)	6.00	Đ/c Dương - Phòng CTSV
V.2.3.	Sinh viên khuyết tật (cộng 2 học kỳ)	10.00	Đ/c Dương - Phòng CTSV
V.3.	Sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý (đánh giá theo mức độ thực hiện nhiệm vụ)	10.00	
V.3.1.	Ủy viên BCH Đoàn/Hội cấp Trường; Bí thư/Lớp trưởng các lớp; Chủ nhiệm/Phó Chủ nhiệm CLB; Thành viên các đội hỗ trợ của Trường (Đội Cờ đỏ, Đội Văn nghệ, Bộ phận trực thuộc Trường);...	10.00	Đ/c Trọng lập danh sách Bí thư – Lớp trưởng và sinh viên làm nhiệm vụ quản lý Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên; Quản lý các Đội hỗ trợ lập danh sách đội hỗ trợ.
V.3.2.	Các đối tượng còn lại (Ủy viên BCH Đoàn/Hội cấp Khoa, Ủy viên BCH Chi đoàn các lớp, Ban Cán sự lớp,...)	8.00	CVHT lập danh sách sinh viên hỗ trợ quản lý lớp (trừ Bí thư – Lớp trưởng).
V.4.	Sinh viên được bình chọn là thành viên xuất sắc của lớp (tối đa 30% sĩ số lớp).	5.00	CVHT lập danh sách thành viên xuất sắc của lớp trừ các đối tượng ở mục 5.3.
V.5.	Tập thể được khen thưởng từ cấp trường trở lên.	5.00	Phòng CTSV, Đoàn TN, Hội SV
Tổng điểm 5 tiêu chí		100.00	